

THÔNG BÁO

V/v công khai danh sách học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2026-2027

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027;

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. Trường THPT Minh Long thông báo công khai phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cụ thể như sau:

I. Nội dung công khai:

Trường THPT Minh Long công khai Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027 (có Quyết định kèm theo).

II. Hình thức công khai:

- Công khai trên Cổng thông tin điện tử (Website trường); Zalo trường, Zalo các lớp Trường THPT Minh Long;
- Niêm yết tại bảng tin trường THPT Minh Long;

Trường THPT Minh Long trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Niêm yết bảng tin;
- GVCN;
- Cổng TTĐT Trường;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thiêm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Báo cáo số 1482/BC-SGDĐT ngày 02/10/2026 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 179/TTr-STC ngày 07/10/2026 về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2026-2027, ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo năm học 2026-2027 theo

quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị và số lượng học sinh, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở và gạo (*Chi tiết theo phụ lục I và Phụ lục II đính kèm*).

2. Thời gian thực hiện chính sách: Năm học 2026-2027 (9 tháng, từ tháng 9/2026 đến tháng 5/2027).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đủ điều kiện thụ hưởng chính sách đối với số lượng học sinh đã đề xuất.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các trường triển khai, thực hiện việc chi trả chính sách hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX-BNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

Phụ lục I

DANH SÁCH HỌC SINH HUỖNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN CẤP CẤP NĂM HỌC 2026-2027 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú, HV bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (Đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (Kg)	Ghi chú (Số Hs/Hv hỗ trợ tiền nhà ở)
1	2	3	4	5=3*4*936000	6=4*8*360000	7=3*135	8
1	Trường THPT Phạm Kiệt	458	9	3,858,192,000	1,377,000,000	61,830	425
2	Trường THPT Ba Tư	647	9	5,450,328,000	2,028,240,000	87,345	626
3	Trường THPT Minh Long	89	9	749,736,000	158,760,000	12,015	49
4	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	513	9	4,321,512,000	1,347,840,000	69,255	416
5	Trường THPT Sơn Hà	347	9	2,923,128,000	959,040,000	46,845	296
6	Trường THPT Quang Trung	361	9	3,041,064,000	1,169,640,000	48,735	361
7	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	814	9	6,857,136,000	2,511,000,000	109,890	775
8	Trường THPT Tây Trà	448	9	3,773,952,000	622,080,000	60,480	192
9	Trường THPT Trà Bồng	506	9	4,262,544,000	1,480,680,000	68,310	457
10	Trường THPT Ba Gia	2	9	16,848,000	6,480,000	270	2
11	Trường THCS & THPT Phó Mục Gia	7	9	58,968,000	22,680,000	945	7
12	Trường THPT chuyên Lê Kiệt	1	9	8,424,000	0	135	0
13	Trường PT DTNT THPT Đắk Glei	228	9	1,920,672,000	738,720,000	30,780	228
14	Trường PTDTNT THPT Măng Đen	168	9	1,415,232,000	0	22,680	0
15	Trường PTDTNT THPT Đắk Tô	109	9	918,216,000	119,880,000	14,715	37
16	Trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Rve	38	9	320,112,000	0	5,130	0

625	Phạm Văn Thủy		10/05/2009	12A10	Hrê	Thôn Kà La, Xã Ba Dinh				1						936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
626	Phạm Văn Bùng		17/08/2009	12A10	Hrê	Thôn Hy Long (Thôn Gò Nghênh), Xã Ba Vinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
627	Phạm Xuân Dương		18/07/2009	12A10	Hrê	Thôn Hương Chiên (Thôn Ba Liên), Xã Ba Đông	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
628	Phạm Thị Xuân Quỳnh	x	19/07/2009	12A10	Hrê	Thôn Huy Ba 2 (Thôn Hóc Kè), Xã Ba Đông	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
629	Phạm Quang Hùng		01/10/2009	12A10	Hrê	Thôn Huy Ba 1 (Thôn Bãi Rì), Xã Ba Đông	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
630	Phạm Thị Biết	x	15/03/2008	12A10	Hrê	Thôn Gôi Lẻ (Thôn Ba Lẻ), Xã Ba Tô	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
631	Phạm Thị Uyên Tuệ	x	24/05/2009	12A10	Hrê	Thôn Gò Khôn, Xã Ba Dinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
632	Phạm Thị Thảo	x	06/07/2009	12A10	Hrê	Thôn Đồng Váo (Thôn Ba Lưc), Xã Ba Tr				1						936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
633	Phạm Thị Thán	x	27/07/2009	12A10	Hrê	Thôn Bui Hui, Xã Đặng Thủy Trám	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
634	Phạm Thị Vi	x	26/03/2009	12A10	Hrê	Thôn Bui Hui, Xã Đặng Thủy Trám	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
635	Phạm Thị Su	x	21/07/2009	12A11	Hrê	Thôn Nước Nè (Thôn Ba Sơn), Xã Ba Vinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
636	Phạm Hoàng Gia Bảo		14/04/2009	12A11	Hrê	Thôn Nước Lang, Xã Ba Dinh				1						936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
637	Phạm Khánh Đơn		01/01/2009	12A11	Hrê	Thôn Nước Giáp (Thôn Vây Óc), Xã Đặng Thủy Trám	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
638	Phạm Văn Hai		13/02/2009	12A11	Hrê	Thôn Nước Đang, Xã Đặng Thủy Trám	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
639	Phạm Văn Khang		07/10/2009	12A11	Hrê	Thôn Láng Măng, Xã Ba Dinh				1						936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
640	Phạm Việt Thắng		15/01/2009	12A11	Hrê	Thôn Láng Măng, Xã Ba Dinh				1						936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
641	Phạm Thị Bích Diệp	x	14/07/2009	12A11	Hrê	Thôn Huy Ba 1 (Thôn Bãi Rì), Xã Ba Đông	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
642	Phạm Văn Hán		06/08/2009	12A11	Hrê	Thôn Huy Ba 1 (Thôn Bãi Rì), Xã Ba Đông	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
643	Phạm Thị Bút	x	26/07/2009	12A11	Hrê	Thôn Gò Khôn, Xã Ba Dinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
644	Phạm Văn Tung		16/10/2009	12A11	Hrê	Thôn Đồng Râm (Thôn Đồng Râm), Xã Đặng Thủy Trám	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
645	Phạm Thị Thành	x	25/07/2009	12A11	Hrê	Thôn Cao Muôn (Thôn Cao Muôn), Xã Ba Vinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
646	Phạm Thị Trách	x	18/10/2009	12A11	Hrê	Thôn Cao Muôn (Thôn Cao Muôn), Xã Ba Vinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
647	Phạm Thị Triêm	x	10/06/2009	12A11	Hrê	Thôn Cao Muôn (Thôn Cao Muôn), Xã Ba Vinh	1									936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
III	Trưởng THPT Minh Long (89 học sinh)										89	-	1	40	936.000	360.000	15	9	749.736.000	158.760.000	12.015	
1	Đinh Quang Diệu		29/05/2011	10A2	Hrê	Thôn Láng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1									936.000		15	9	8.424.000	-	135
2	Đinh Thị Phia	x	29/05/2011	10A2	Hrê	Thôn Láng Ren , Xã Minh Long	1									936.000		15	9	8.424.000	-	135

3	Đinh Hoàng Phước		14/11/2011	10A2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
4	Đinh Thị Thanh Xanh	x	16/03/2011	10A2	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
5	Đinh Thị Xuân Diệu	x	09/05/2011	10A3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
6	Đinh Thị Mai Dung	x	06/09/2011	10A3	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
7	Đinh Thị Lệ Hằng	x	19/12/2011	10A3	Hrê	Thôn Cà Xen, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
8	Đinh Hưng		18/03/2011	10A3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
9	Đinh Tuấn Kiệt		07/06/2011	10A3	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
10	Đinh Thị Lung	x	21/09/2011	10A3	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
11	Đinh Thị Hoàng Mỹ	x	01/11/2011	10A3	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
12	Đinh Cao Sơn		09/03/2011	10A3	Hrê	Thôn Làng Tré (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
13	Đinh Thị Mỹ Tâm	x	14/07/2011	10A3	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
14	Đinh Thị Thu Thủy	x	03/05/2011	10A3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
15	Đinh Thị Kim Thư	x	28/05/2011	10A3	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
16	Đinh Thị Ánh Tuyết	x	06/01/2011	10A3	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
17	Đinh Thị Quỳnh Anh	x	08/03/2011	10A4	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
18	Đinh Thị Mai Cúc	x	04/04/2011	10A4	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
19	Đinh Xuân Hoàng		20/04/2011	10A4	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
20	Đinh Thị Hồng	x	16/01/2011	10A4	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
21	Đinh Trọng Hữu		23/05/2011	10A4	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
22	Đinh Kim Huyền	x	21/11/2011	10A4	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
23	Đinh Thị Bích Nga	x	08/07/2011	10A4	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
24	Đinh Thị Oanh	x	11/02/2011	10A4	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
25	Đinh Thị Quyết	x	06/02/2011	10A4	Hrê	Thôn Cà Xen, xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
26	Đinh Thị Mai Trâm	x	26/08/2011	10A4	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
27	Đinh Thị Thủy Vân	x	20/10/2011	10A4	Hrê	Thôn Làng Tré (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
28	Đinh Đức Kim		20/12/2011	10A5	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135

29	Đinh Thị Mỹ Khê	x	24/10/2011	10A5	Hrê	Thôn Cà Xen, xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
30	Đinh Thị Long	x	21/10/2011	10A5	Hrê	Thôn Làng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
31	Đinh Thị Như	x	16/07/2011	10A5	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
32	Đinh Thị Lam	x	04/12/2011	10A5	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
33	Đinh Hoàng Thạch		03/05/2011	10A5	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
34	Đinh Tuấn Hưng		01/12/2011	10A5	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
35	Đinh Thanh Hóa		25/12/2009	10A6	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
36	Đinh Thị Hồng Huệ	x	12/08/2011	10A6	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
37	Đinh Khánh Huy		18/07/2011	10A6	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
38	Đinh Thị Diệp Phi	x	19/03/2011	10A6	Hrê	Thôn Làng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
39	Đinh Văn Phương		04/03/2011	10A6	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
40	Đinh Tấn Thành		08/09/2011	10A6	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
41	Phạm Đình Toàn		27/11/2011	10A6	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
42	Đinh Thị Kim Tuyết	x	09/10/2011	10A6	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
43	Đinh Quang Vũ		29/09/2011	10A6	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
44	Đinh Thị Kim Yến	x	04/06/2011	10A6	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
45	Đinh Thanh Hưng		08/09/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
46	Đinh Văn Đình		15/05/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
47	Đinh Thị Tùng Lâm	x	16/10/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
48	Đinh Thị Nhân	x	25/09/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
49	Đinh Thị Thủy Tuyền	x	31/12/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
50	Đinh Thị Thanh Trúc	x	04/09/2010	11B2	Hrê	Thôn Làng Trê (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
51	Đinh Thị Bình	x	06/07/2010	11B3	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
52	Đinh Thị Mơ	x	26/03/2010	11B3	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
53	Đinh Huỳnh Đệ		21/11/2010	11B3	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
54	Đinh Ngọc Danh		20/01/2010	11B3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1				1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135

55	Đinh Thị Hạ	x	29/03/2010	11B3	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
56	Đinh Thị Thu Nguyệt	x	20/08/2010	11B3	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
57	Đinh Văn Phú		29/12/2010	11B3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
58	Phan Nguyễn Hoàng Trúc	x	03/12/2010	11B3	Kinh	Thôn Sơn Châu (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
59	Đinh Thị Ngọc Huyền	x	18/06/2010	11B4	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
60	Đinh Thị The Hoa	x	15/02/2010	11B4	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
61	Đinh Văn Khang		25/12/2010	11B5	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
62	Đinh Thị Thu Thủy	x	08/12/2010	11B5	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
63	Đinh Khuyển Huy		08/03/2010	11B5	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
64	Đinh Thị Sinh	x	12/08/2010	11B5	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
65	Đinh Văn San		13/07/2010	11B5	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
66	Đinh Đức Cường		26/10/2009	12C1	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
67	Đinh Văn Báo		01/01/2009	12C2	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
68	Đinh Tiến Đạt		20/01/2009	12C2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000		135
69	Đinh Thị Phượng Hằng	x	21/02/2009	12C2	Hrê	Thôn Làng Giữa (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000		135
70	Đinh Đăng Khoa		04/10/2009	12C2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000		135
71	Đinh Thị Minh Sang	x	01/09/2009	12C2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1					936.000		15	9	8.424.000		135
72	Đinh Văn Trang		16/04/2009	12C2	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1					936.000		15	9	8.424.000		135
73	Đinh Nữ Vi Va	x	09/09/2009	12C2	Hrê	Thôn Cà Xen, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
74	Đinh Văn Xin		11/01/2009	12C2	Hrê	Thôn Cà Xen, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
75	Đinh Quang Biển		11/03/2009	12C3	Hrê	Thôn Yên Ngựa(Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
76	Đinh Thị Mỹ Kim	x	02/02/2009	12C3	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
77	Đinh Công Linh		23/04/2009	12C3	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
78	Đinh Thị Giao	x	07/07/2009	12C3	Hrê	Thôn Làng Tré (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
79	Đinh Long Hà		13/09/2009	12C3	Hrê	Thôn Làng Tré (Thôn Long Môn), Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
80	Đinh Văn Hòa		12/01/2009	12C3	Hrê	Thôn Làng Ren, Xã Minh Long	1				1	936.000		15	9	8.424.000	-	135

81	Đinh Trang Thế		11/03/2009	12C3	Hrê	Thôn Cà Xen, Xã Minh Long	1					1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
82	Đinh Thị Kim Tuyền	x	27/01/2009	12C4	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
83	Đinh Thị Hy Su	x	03/12/2009	12C4	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
84	Đinh Thị Ngọc Ánh	x	01/09/2009	12C4	Hrê	Thôn Biều Qua (Thôn Sơn Châu), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
85	Đinh Thị Nhi	x	12-10-2009	12C4	Hrê	Thôn Gò Tranh (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
86	Đinh Thị Nường	x	16/12/2009	12C5	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
87	Đinh Văn Khôi		22/10/2009	12C5	Hrê	Thôn Yên Ngựa (Thôn Gò Tranh), Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
88	Đinh Thị Kim Huệ	x	02/01/2009	12C5	Hrê	Thôn Kỳ Hát, Xã Sơn Mai	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
89	Đinh Văn Hút		12/02/2009	12C5	Hrê	Thôn Cà Xen, Xã Minh Long	1					1	936.000		15	9	8.424.000	-	135
IV	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng (S13 học sinh)																		
1	Đinh Thị Bích	x	01/07/2011	10A1	Kdong	Thôn Tà Dỏ, Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	1.347.840.000	69.255
2	Đinh Tấn Đạt		14/02/2011	10A1	Kdong	Thôn Mang Tà Bẻ, Xã Sơn Tây Thượng	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
3	Đoàn Thị Hồng Diễm	x	08/12/2011	10A1	Kdong	Thôn Tà Dỏ, Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
4	Đinh Thị E Đe	x	02/02/2011	10A1	Kdong	Thôn Nước Vương, Xã Sơn Tây Thượng					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
5	Đinh Văn Hào		14/09/2010	10A1	Kdong	Thôn Đăk Trên, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
6	Đinh Thị Hôn	x	11/08/2011	10A1	Kdong	Thôn Tà Dỏ, Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
7	Đinh Thị Hú	x	23/06/2011	10A1	Kdong	Thôn Tà Dỏ, Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
8	Đinh Thị Huân	x	21/11/2011	10A1	Kdong	Thôn Mang Rẻ, Xã Sơn Tây Hạ	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
9	Đinh Minh Khái		15/07/2011	10A1	Kdong	Thôn Gò Lã, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
10	Đinh Thị Khiết	x	25/05/2011	10A1	Kdong	Thôn Hà Lén, Xã Sơn Tây Hạ	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
11	Đinh Thị Ly Kiều	x	15/10/2011	10A1	Hrê	Thôn Huy Mãng, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
12	Đinh Thị Thủy Linh	x	13/01/2011	10A1	Kdong	Thôn Huy Mãng, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
13	Đinh Hồ Bích Loan	x	03/06/2011	10A1	Kdong	Thôn Bãi Mầu (Thôn Sơn Tân), Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
14	Đinh Thị Mỹ Nghĩa	x	14/04/2011	10A1	Kdong	Thôn Huy Mãng, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
15	Đinh Thị Kim Nguyên	x	02/12/2011	10A1	Kdong	Thôn Ra Nhua (Thôn Sơn Tân), Xã Sơn Tây	1					1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
16	Đinh Thị Nguyệt	x	09/01/2011	10A1	Kdong	Thôn Huy Mãng, Xã Sơn Tây					1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135